

Công ty Cổ phần In Tổng hợp Bình Dương
Số 01 Nguyễn Văn Nghĩa, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

HỒ SƠ

Số hồ sơ: 123456789

Số chứng từ: 123456789

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG

Kỳ kế toán từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 25
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25

Công ty Cổ phần In Tổng hợp Bình Dương

Số 01 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Tổng hợp Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty số 3702606911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2017. Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần từ ngày 02/01/2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3702606911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/01/2019.

Trụ sở chính Công ty: Số 01 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Chủ tịch
Ông Vi Ngọc Đại	Thành viên
Bà Trần Thị Hương Xuân	Thành viên

Thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vi Ngọc Đại	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ngàn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hiếu	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Ánh Tuyết	Trưởng ban
Bà Nguyễn Xuân Hân	Thành viên
Bà Lê Thị Hồng Thu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Công ty Cổ phần In Tổng hợp Bình Dương

Số 01 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vi Ngọc Đại
Giám đốc

Bình Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2020



Số: 100320.033/BCTC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Tổng hợp Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Tổng hợp Bình Dương được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Tổng hợp Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh 29 của Báo cáo tài chính, Công ty chuyển từ Công ty TNHH MTV vốn Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 02/01/2019 nên số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày bàn giao sang Công ty Cổ phần, số liệu kỳ trước trên báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2019 Công ty không trình bày do số liệu là không trọng yếu và không có tính so sánh.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Anh Ngọc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1437-2018-002-1

102
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỰ DO
T- T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	02/01/2019
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		101.527.120.825	99.602.082.150
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	13.243.838.945	45.035.047.866
111 1. Tiền		4.243.838.945	12.810.030.215
112 2. Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	32.225.017.651
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	52.351.241.056	630.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		52.351.241.056	630.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.239.965.062	29.147.415.133
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	12.252.276.434	10.138.352.126
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		47.725.654	20.000.000
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.939.962.974	18.989.063.007
140 IV. Hàng tồn kho	7	20.982.323.168	23.812.346.693
141 1. Hàng tồn kho		20.982.323.168	23.812.346.693
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		709.752.594	977.272.458
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	709.752.594	112.964.598
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	252.120.982
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	612.186.878
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.157.680.674	10.673.038.336
220 II. Tài sản cố định		7.498.994.616	9.228.120.702
221 1. Tài sản cố định hữu hình	8	7.391.447.975	9.058.374.053
222 - Nguyên giá		12.305.813.428	12.151.105.246
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(4.914.365.453)	(3.092.731.193)
227 2. Tài sản cố định vô hình	9	107.546.641	169.746.649
228 - Nguyên giá		242.663.325	242.663.325
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(135.116.684)	(72.916.676)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		658.686.058	1.444.917.634
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	658.686.058	1.444.917.634
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		109.684.801.499	110.275.120.486

069
TY
AN
HỢP
NG
NH DUC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	02/01/2019
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		11.990.544.063	20.275.120.486
310 I. Nợ ngắn hạn		11.990.544.063	20.275.120.486
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	8.292.215.982	12.060.622.648
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	374.570.003	340.844.001
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	866.116.875	2.167.091
314 4. Phải trả người lao động		1.427.865.982	3.575.568.620
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.010.079.272	813.164.211
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	15	19.695.949	884.286.436
322 7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	2.598.467.479
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		97.694.257.436	90.000.000.000
410 I. Vốn chủ sở hữu	16	97.694.257.436	90.000.000.000
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
411a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		90.000.000.000	90.000.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.694.257.436	-
421b LNST chưa phân phối năm nay		7.694.257.436	-
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		109.684.801.499	110.275.120.486

hcm
Nguyễn Tuấn Hùng
Người lập biểu

hcm
Nguyễn Tuấn Hùng
Q.Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Đại
Giám đốc
Bình Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	119.455.289.221
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	673.394.770
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		118.781.894.451
11	4. Giá vốn hàng bán	20	98.074.597.156
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.707.297.295
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.560.488.148
22	7. Chi phí tài chính		-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-
25	8. Chi phí bán hàng	22	4.084.979.686
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	9.415.593.982
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.767.211.775
31	11. Thu nhập khác		28.979.199
32	12. Chi phí khác		28.658
40	13. Lợi nhuận khác		28.950.541
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.796.162.316
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	1.959.232.463
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		7.836.929.853
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	695

Nguyễn Tuấn Hùng
Nguyễn Tuấn Hùng
Người lập biểu

Nguyễn Tuấn Hùng
Nguyễn Tuấn Hùng
Q.Kế toán trưởng

Vi Ngọc Đại
Vi Ngọc Đại
Giám đốc

Bình Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2020



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	9.796.162.316
	2. Điều chỉnh cho các khoản	
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	1.883.834.268
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(2.560.488.148)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	9.119.508.436
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	16.591.619.469
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	2.830.023.525
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(6.445.866.185)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	189.443.580
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(972.326.760)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2.741.139.896)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	18.571.262.169
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(154.708.182)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(71.027.132.056)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	19.305.891.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.513.478.148
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(50.362.471.090)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(31.791.208.921)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	45.035.047.866
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	13.243.838.945

Nguyễn Tuấn Hùng
Nguyễn Tuấn Hùng
Người lập biểu

Nguyễn Tuấn Hùng
Nguyễn Tuấn Hùng
Q.Kế toán trưởng

Vi Ngọc Đại
Vi Ngọc Đại
Giám đốc

Bình Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty số 3702606911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2017. Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần từ ngày 02/01/2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3702606911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/01/2019.

Trụ sở chính Công ty: Số 01 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 90.000.000.000 đồng, tương đương 9.000.000 cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Do đây là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty theo hình thức Công ty Cổ phần nên bắt đầu từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 30 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
- Các tài sản khác	10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí hoa hồng, chi phí khác...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019.

2.16 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18 . Thông tin bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực in ấn, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	02/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	553.636.554	72.410.867
Tiền gửi ngân hàng	3.578.134.391	12.737.619.348
Tiền đang chuyển	112.068.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	9.000.000.000	32.225.017.651
	13.243.838.945	45.035.047.866

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5 %/năm đến 5,5 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2019		02/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	52.351.241.056	-	630.000.000	-
	52.351.241.056	-	630.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2019, tiền gửi có kỳ hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		02/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty CP Bibica	2.176.418.640	-	2.699.701.510	-
- Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	1.703.648.320	-	1.256.320.120	-
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bình Dương	3.406.976.705	-	1.315.547.500	-
- Phải thu khách hàng khác	4.965.232.769	-	4.866.782.996	-
	12.252.276.434	-	10.138.352.126	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	3.406.976.705	-	1.315.547.500	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29).

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		02/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	18.746.096.674	-
- Dự thu lãi tiền gửi	1.149.090.000	-	102.080.000	-
- Tạm ứng	15.000.000	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	17.163.055	-	43.470.986	-
- Bảo hiểm y tế	57.274.639	-	61.252.896	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.795.392	-	7.462.997	-
- Phải thu khác	695.639.888	-	28.699.454	-
	1.939.962.974	-	18.989.063.007	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		02/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	16.200.197.770	-	20.198.422.739	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.977.083.227	-	2.733.043.405	-
- Thành phẩm	1.805.042.171	-	880.880.549	-
	20.982.323.168	-	23.812.346.693	-

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý với Nguyên giá 242.663.325 VND. Giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2019 lần lượt là 135.116.684 VND và 107.546.641 VND, trong đó khấu hao trong kỳ là 62.200.008 VND.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	02/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	126.388.676	112.964.598
- Chi phí trả trước về thuê máy chủ	124.850.000	-
- Chi phí sửa chữa, thay thế phụ tùng máy in	203.310.437	-
- Các khoản khác	255.203.481	-
	709.752.594	112.964.598
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa, thay thế phụ tùng máy in	272.964.213	1.444.917.634
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	216.611.450	-
- Các khoản khác	169.110.395	-
	658.686.058	1.444.917.634

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		02/01/2019	
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
	VND	khả năng trả nợ VND	VND	khả năng trả nợ VND
- Nhà xuất bản Giáo dục tại TP HCM	-	-	7.452.180.176	7.452.180.176
- Công ty CP Sản xuất thương mại Giấy Mê Kông	5.510.396.464	5.510.396.464	458.463.951	458.463.951
- Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	1.887.353.210	1.887.353.210	429.786.804	429.786.804
- Phải trả các đối tượng khác	894.466.308	894.466.308	3.720.191.717	3.720.191.717
	8.292.215.982	8.292.215.982	12.060.622.648	12.060.622.648

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	02/01/2019
	VND	VND
- Công ty TNHH TM - SX - DV Tân Vinh Cường	200.000.000	200.000.000
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đắk Lắk	-	128.700.000
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Nam	141.900.000	-
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Ninh Thuận	32.670.003	12.144.001
	374.570.003	340.844.001

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 02.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	02/01/2019
	VND	VND
- Chi phí hoa hồng	1.010.079.272	542.346.586
- Chi phí chăm sóc khách hàng	-	200.000.000
- Chi phí khác	-	70.817.625
	1.010.079.272	813.164.211

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	02/01/2019
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	19.695.949	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	131.317.348
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	752.969.088
	19.695.949	884.286.436

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Lãi trong kỳ này	-	7.836.929.853	7.836.929.853
Chi thù lao hội đồng quản trị (*)	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Giảm khác	-	(10.672.417)	(10.672.417)
Số dư cuối kỳ	90.000.000.000	7.694.257.436	97.694.257.436

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 13/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 9 năm 2019, Công ty tạm chi trả thù lao cho hội đồng quản trị.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	Tỷ lệ	02/01/2019	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bình Dương	71.243.000.000	79,16	71.243.000.000	79,16
- Bà Nguyễn Trần Xuân Lan	9.000.000.000	10,00	9.000.000.000	10,00
- Các cổ đông khác	9.757.000.000	10,84	9.757.000.000	10,84
	90.000.000.000	100,00	90.000.000.000	100,00

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019	
	VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ		90.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ		90.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	02/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 5615/HĐTĐ-STNMT ngày 18/11/2019 tại thửa đất số 312, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; diện tích thuê 15.032 m²; thời hạn thuê đến ngày 30/05/2069. Công ty nộp tiền thuê đất hàng kỳ theo Thông báo nộp tiền thuê đất của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019	
	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ in ấn		118.747.478.408
Doanh thu khác		707.810.813
		<u>119.455.289.221</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29).		<u>33.668.514.385</u>

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019	
	VND	
Hàng bán bị trả lại		673.394.770
		<u>673.394.770</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019
		VND
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ in ấn	97.366.786.343	
Giá vốn khác	707.810.813	
	98.074.597.156	
21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019
		VND
Lãi tiền gửi	2.560.488.148	
	2.560.488.148	
22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG		Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019
		VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.303.566	
Chi phí nhân công	170.340.476	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.022.436.454	
Chi phí hoa hồng	2.766.854.919	
Chi phí khác bằng tiền	69.044.271	
	4.084.979.686	
23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019
		VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	478.229.600	
Chi phí nhân công	3.891.190.904	
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	119.501.372	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	647.651.076	
Thuế, phí, và lệ phí	15.847.652	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.268.289.647	
Chi phí khác bằng tiền	2.994.883.731	
	9.415.593.982	
24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019
		VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	9.796.162.316	
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.796.162.316	
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.959.232.463	
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(227.148.462)	
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(972.326.760)	
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	759.757.241	

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019
	<u>VND</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế	7.836.929.853
Các khoản điều chỉnh:	(1.586.194.602)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	(1.586.194.602)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.250.735.251
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>695</u>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 13/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 9 năm 2019, Công ty có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ 10,12% trên Lợi nhuận sau thuế năm 2019.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019
	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.813.463.078
Chi phí nhân công	22.661.902.064
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.883.834.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.064.775.823
Chi phí khác bằng tiền	6.936.455.181
	<u>107.360.430.414</u>

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		02/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.243.838.945	-	45.035.047.866	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.192.239.408	-	29.127.415.133	-
Các khoản cho vay	52.351.241.056	-	630.000.000	-
	<u>79.787.319.409</u>	-	<u>74.792.462.999</u>	-

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2019	02/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	8.311.911.931	12.944.909.084
Chi phí phải trả	1.010.079.272	813.164.211
	9.321.991.203	13.758.073.295

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống
	VND
Tại ngày 31/12/2019	
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.243.838.945
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.192.239.408
Các khoản cho vay	52.351.241.056
	79.787.319.409
Tại ngày 02/01/2019	
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.035.047.866
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.127.415.133
Các khoản cho vay	630.000.000
	74.792.462.999

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống
	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2019	
Phải trả người bán, phải trả khác	8.311.911.931
Chi phí phải trả	1.010.079.272
	<u>9.321.991.203</u>
Tại ngày 02/01/2019	
Phải trả người bán, phải trả khác	12.944.909.084
Chi phí phải trả	813.164.211
	<u>13.758.073.295</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 02/01/2019 đến 31/12/2019
		<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bình Dương	Công ty mẹ	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ in vé số		33.668.514.385

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2019	02/01/2019
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bình Dương	Công ty mẹ		
- Phải thu ngắn hạn khách hàng		3.406.976.705	1.315.547.500

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Từ 02/01/2019
đến 31/12/2019

VND

- Thu nhập của Giám đốc	206.573.438
- Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	451.271.070

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty chuyển từ Công ty TNHH MTV vốn Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 02/01/2019 nên số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày bàn giao sang Công ty Cổ phần, số liệu kỳ trước trên báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2019 Công ty không trình bày do số liệu là không trọng yếu và không có tính so sánh.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Quyết định 1135/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán tài chính; thu, chi phí cổ phần hóa; giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần:

	Mã số	Điều chỉnh lại	Đã trình bày trên
			báo cáo năm trước
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10.138.352.126	10.378.288.769
- Phải thu ngắn hạn khác	136	18.989.063.007	282.966.333
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	(248.086.643)
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	612.186.878	234.778.462
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.167.091	16.381.890
- Phải trả người lao động	314	3.575.568.620	3.174.148.314
- Phải trả ngắn hạn khác	319	884.286.436	131.317.348
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	2.598.467.479	2.600.114.570
- Vốn góp của chủ sở hữu	411	90.000.000.000	72.046.872.414

naelmm

naelmm



Nguyễn Tuấn Hùng
Người lập biểu

Nguyễn Tuấn Hùng
Q. Kế toán trưởng

Vi Ngọc Đại
Giám đốc

Bình Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Công ty Cổ phần In Tổng hợp Bình Dương

Số 01 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	2.965.843.316	7.082.143.363	950.607.059	92.195.854	1.060.315.654	12.151.105.246
Số tăng trong kỳ	-	94.518.182	-	60.190.000	-	154.708.182
- Mua trong kỳ	-	94.518.182	-	60.190.000	-	154.708.182
Số dư cuối kỳ	2.965.843.316	7.176.661.545	950.607.059	152.385.854	1.060.315.654	12.305.813.428
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	499.110.933	2.170.435.410	180.299.910	30.366.000	212.518.940	3.092.731.193
Số tăng trong kỳ	342.454.644	1.102.997.175	144.239.928	19.993.329	211.949.184	1.821.634.260
- Khấu hao trong kỳ	342.454.644	1.102.997.175	144.239.928	19.993.329	211.949.184	1.821.634.260
Số dư cuối kỳ	841.565.577	3.273.432.585	324.539.838	50.359.329	424.468.124	4.914.365.453
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	2.466.732.383	4.911.707.953	770.307.149	61.829.854	847.796.714	9.058.374.053
Tại ngày cuối kỳ	2.124.277.739	3.903.228.960	626.067.221	102.026.525	635.847.530	7.391.447.975

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.482.236.984 VND



Công ty Cổ phần In Tổng hợp Bình Dương

Số 01 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	02/01/2019		Trong kỳ		31/12/2019	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	2.167.091	5.433.706.650	5.377.925.237	-	57.948.504
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	227.148.462	-	1.959.232.463	972.326.760	-	759.757.241
- Thuế Thu nhập cá nhân	385.038.416	-	523.637.771	90.188.225	-	48.411.130
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	612.186.878	2.167.091	7.919.576.884	6.443.440.222	-	866.116.875

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG

Kỳ kế toán từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | **F:** (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | **F:** (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Lầu 3, Tòa Nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Hồ Chí Minh

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | **F:** (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh